

# ĐÔI NÉT VỀ LUẬT TỰ NHIÊN VÀ GIỚI LUẬT PHẬT GIÁO

NGÔ HOÀNG OANH\*

*Dưới góc độ nghiên cứu về đạo Phật và nhà nước, các nhà nghiên cứu luôn cho rằng giá trị cốt lõi của đạo Phật là ảnh hưởng về đạo đức đối với xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây trên thế giới đã chỉ ra rằng Phật giáo và pháp luật có mối quan hệ đặc biệt trong lịch sử và thế giới đương đại. Giá trị của Phật giáo và giới luật (“sila”) có khả năng ảnh hưởng tích cực đến hệ thống luật pháp của một quốc gia theo nhiều cách bởi những tư tưởng chính thống của tôn giáo này trong việc bảo vệ con người và thiên nhiên, được thúc đẩy bởi lòng từ bi. Bài viết đưa ra các quan điểm của luật tự nhiên, sự tương đồng giữa luật tự nhiên với tư tưởng của Phật giáo và ảnh hưởng của các tư tưởng này trong lịch sử xây dựng pháp luật ở Việt Nam.*

Từ khóa: luật tự nhiên, giới luật Phật giáo (giới luật), luật tự nhiên và hiến pháp

Nhận bài ngày: 15/10/2021; đưa vào biên tập: 20/10/2021; phản biện: 30/12/2021; duyệt đăng: 11/8/2022

## 1. DẪN NHẬP

Nhiều nghiên cứu gần đây của các nhà nghiên cứu phương Tây đã chỉ ra rằng tư duy thấu đáo về giới luật của Phật giáo rất gần với luật tự nhiên (Nature Law). Luật Phật giáo có bản chất là luật tự nhiên vì nó bảo vệ trật tự, sự sắp đặt trong vũ trụ một cách tự nhiên, trong đó con người được coi là một phần của vũ trụ và là đối tượng được bảo vệ. Mang nhiều đặc tính của luật tự nhiên, sự tương tác giữa Phật giáo, nhà nước và pháp luật được các nhà nghiên cứu phương Tây tiến hành ở nhiều nước Châu Á, bắt đầu từ Ấn Độ, nơi xuất phát của Phật giáo, Nam Á và Đông Nam Á (Sri Lanka, Thái Lan, Campuchia và Miến Điện), Đông Á (Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản), Bắc Á và dãy Himalaya (Mông Cổ, Tây Tạng và Bhutan) (Reynolds, 2000; French -

Nathan, 2014; Nathan, 2018). Bài viết này là một gợi mở cho những nghiên cứu về sự tương tác của Phật giáo và pháp luật ở Việt Nam.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Luật tự nhiên

Trong lịch sử triết học và pháp luật, các triết gia cổ đại như Platon<sup>(1)</sup>, Aristotle<sup>(2)</sup> được xem là những người đầu tiên đưa ra các tư tưởng về luật tự nhiên. Theo các triết gia này, trong tự nhiên đã có sẵn những quy luật, luật lệ và công lý; các sự vật cũng chứa sẵn tính luật. Luật tự nhiên là luật nằm sẵn trong tự nhiên, ở bản tính tự nhiên của sự vật và do thần linh ấn định (gọi là lý tính hay thần tính), nó tự sinh, tồn tại khách quan và độc lập với ý chí con người, có hiệu lực ở mọi nơi mọi lúc. Và con người chỉ có thể dùng lý trí để khám phá (tìm ra) luật pháp chứ không tạo ra luật pháp, cũng không thể thay đổi nó. Vì vậy, phải soạn thảo luật pháp tuân theo những quy

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

chuẩn của tự nhiên hay pháp luật, phải là “sự suy diễn từ sự hài hòa của trật tự tự nhiên” (Đỗ Đức Minh, 2014).

Chịu ảnh hưởng sâu sắc của trường phái khắc kỷ và triết học Hy Lạp cổ, Marcus Tullius Cicero - một nhà chính khách, luật sư và đồng thời là nhà triết học La Mã vào năm 100 trước Công nguyên<sup>(3)</sup> tiếp tục phát triển học thuyết pháp luật tự nhiên trên nền móng của người đi trước. Ông quan niệm: “cao hơn pháp luật do con người sáng tạo ra là luật bất biến và vĩnh cửu của tự nhiên. Chính những luật này đã chi phối luật pháp của con người” (dẫn theo Viện Khoa học Pháp lý, 2006: 608). Không chỉ tiếp nhận quan niệm của những người đi trước, Cicero còn bổ sung một số đặc tính và luật tự nhiên, được ông tuyên bố khá đầy đủ với cách hiểu ngày nay. Luật, trong định nghĩa của Cicero, phải là hiện thân và đồng nhất với công lý, là để phân biệt giữa công bằng và bất công, là cách để xóa bỏ sự đòi hỏi và khuyến khích đạo đức. Luật tự nhiên là những chuẩn mực, thước đo để phân biệt với luật thực định của nhà nước ban hành, là phương tiện để đánh giá các đạo luật do nhà nước ban hành có công bằng, đúng đắn hay không (theo Michael Grant, 1993).

Tư tưởng về luật tự nhiên sau đó được Saint Thomas Aquinas (1226-1274) kế thừa và phát triển. Nó đặc biệt phát triển mạnh vào thế kỷ XVI và XVII do Grotius lãnh đạo, sau đó là Hobbes, Locke, Rousseau và tiếp tục có ảnh hưởng cho đến ngày nay. Học thuyết pháp luật tự nhiên (natural law doctrine) là hệ thống tư tưởng chính trị và pháp quyền về một hệ thống pháp luật lý tưởng, dường như

xuất phát từ bản tính con người, lấy lý trí con người làm nền tảng, không phụ thuộc vào nhà nước và các điều kiện xã hội. Là lý thuyết về các nguyên tắc và quyền con người được thể hiện ở những quy tắc, tiêu chuẩn về công bằng, bác ái, lẽ phải, lương tri, tôn trọng nhân cách, phẩm giá và các quyền con người, pháp luật tự nhiên cũng được hiểu là những chuẩn mực cơ bản của đạo đức và chính trị bắt nguồn từ bản chất của các sự vật và bản chất con người, mang tính phổ quát và áp dụng cho mọi người ở mọi thời điểm và có thể được nhận thức bởi những phương tiện hợp lý thông thường (theo Đỗ Đức Minh, 2014).

Giá trị của luật tự nhiên thể hiện ở quan điểm tôn trọng trật tự tự nhiên được thiết lập bởi vũ trụ, và nhiệm vụ của con người là tìm ra được điều bí ẩn của quy luật vũ trụ, quy luật tự nhiên và trên cơ sở đó phát triển thành trật tự xã hội, thành các chuẩn mực của đạo đức, chính trị. Con người không hoàn toàn tự do trong việc ban hành pháp luật, nhà nước được hình thành dựa trên sự liên kết ý chí cá nhân hay kế hoạch xã hội và mục đích của nhà nước cũng như luật ban hành là đảm bảo quyền tự nhiên cơ bản của mỗi con người. Tuy nhiên Luật tự nhiên cũng có những hạn chế nhất định như quan điểm duy tâm về nguồn gốc hình thành nhà nước và pháp luật (theo Ngô Thị Mỹ Dung, 2022).

## 2.2. Giới luật Phật giáo

Năm trăm năm trước Công nguyên, Đức Phật Thích Ca đã đưa ra tư tưởng cốt lõi, chân lý của Phật giáo và cũng là động lực để Đức Phật đi tìm chân lý: “Ai cũng đau khổ nên ai cũng muốn thoát

khổ và ai cũng muốn được hạnh phúc” (Ban Hoàng pháp Trung ương, 1998). Tư tưởng Phật giáo còn phát triển thêm một bước xa hơn: đưa ra chân lý để giúp loài người được hạnh phúc, đó là: “Bởi vì tôi biết tôi đau khổ và tôi muốn thoát khỏi đau khổ nên tôi hiểu nỗi khổ của người khác và hiểu người khác muốn thoát ra khỏi đau khổ như thế nào. Hiểu được điều đó, tôi sẽ không gây đau khổ cho người khác và do đó tôi phát triển lòng từ bi” (dẫn theo Ban Hoàng pháp Trung ương, 1998). Đây chính là triết lý của Phật giáo và đồng thời cũng là tư tưởng và là cái gốc của luật tự nhiên. Ý tưởng về việc con người hãy khám phá ra luật tự nhiên để dựa vào đó xây dựng luật thực định của nhà nước và mang lại hạnh phúc cho con người đã được Đức Phật thuyết giảng cách đây hơn 2.500 năm.

Trong Phật giáo, luật được gọi là Giới, theo tiếng Phạn gọi là Sila. Hai nguyên lý chính của giới luật (*Sila*) của Phật giáo là Bồ tát giới và Biệt giải thoát giới (*Bodhisattva and Pratimoksa*), chứa đựng trong chúng hai ý tưởng trọng tâm nhất của Phật giáo: sự từ bi và sự bảo vệ.

Bồ tát giới chú trọng ở lòng từ bi. Với Bồ tát giới, lòng nhân ái là điều mà người tu theo hạnh này nỗ lực hết mình để biến nó thành thái độ sống quan trọng nhất. Theo giáo lý của Phật giáo, người Phật tử được kỳ vọng không chỉ thực hành bất bạo động (*ahimsa*), mà còn là người tích cực tham gia giúp đỡ người khác trong cơn đau khổ của họ. Vì vậy, mục đích của việc duy trì và phát triển lòng từ bi là để bảo vệ người khác, không chỉ con người, mà tất cả chúng sinh khác, bất kể hình thức tồn

tại của họ. Theo tư tưởng này thì trách nhiệm đầu tiên và quan trọng nhất của hệ thống giới luật là bảo vệ hạnh phúc và không chỉ hạnh phúc của con người mà còn của tất cả chúng sinh, bao gồm các động vật khác tồn tại trên thế giới bên cạnh con người. Một khía cạnh thiết yếu khác của việc thực hành tích cực lòng từ bi là trí tuệ (*prajna*), khả năng phân biệt chính xác bất kỳ đối tượng nào và hiểu được bản chất của thực tại.

Biệt giải thoát giới (*Pratimoksa*) là Bộ luật Phật giáo (*sila*) hay danh sách các quy tắc điều chỉnh hành vi của những người xuất gia theo đạo Phật. Giới theo nghĩa hẹp là những điều cấm chế, mục đích làm cho hành giả đề phòng, chế ngự thân, tâm, không cho phạm vào lỗi lầm. Giới là tiêu chuẩn quy định đệ tử Phật hành động thế nào là đúng pháp, hành động thế nào là không đúng pháp. Giới có công năng giúp cho hành giả ngăn chặn pháp ác, đoạn trừ tất cả tập khí ác, diệt tận phiền não loạn tưởng, chứng đắc Niết bàn. Tùy vào mức độ tu tập mà người Phật tử sẽ thực hành bao nhiêu giới. Thấp nhất là bộ năm giới mà Đức Phật đã đưa ra để giúp người cư sĩ tại gia phát triển phẩm hạnh của mình (*panca-silani*). Những giới luật đó là: (1) bất bạo động bao gồm không giết hại động vật, (2) tránh trộm cắp và gian lận, (3) tránh các hành vi sai trái về tình dục, (4) không nói dối hoặc nói không trung thực, và (5) không uống chất say. Năm giới này tạo thành xương sống của hệ thống luật pháp ở mọi quốc gia Phật giáo trong suốt lịch sử. Cao nhất là cụ túc giới gồm 227 giới luật (điều cấm kỵ) đối với người nam và 311 giới luật đối

với người nữ. *Kinh Tăng Nhất A Hàm* (Kinh số 5, Phẩm Đệ tử, 2005) nói: “Được gọi là giới, bởi vì nó có thể giúp hành giả diệt trừ các việc ác. Giới có thể giúp hành giả viên thành đạo quả, làm cho mọi người hoan hỷ. Giới, gọi là an lạc trang nghiêm, vì làm cho hành giả hiện tướng trang nghiêm. Giới cấm của chư Phật, như bình Cát tường, tất cả nguyện cầu đều được toại ý; tất cả đạo phẩm đều do giới mà thành tựu. Như vậy, này các tỷ kheo! Kẻ nào tuân hành giới cấm, thì kẻ đó sẽ được đại quả báo, các điều lành sẽ đến. Kẻ đó được vị cam lộ, đến quả vị “vô vi”, sẽ được thần thông, diệt trừ loạn tưởng, chứng đắc “sa môn quả”, sẽ được Niết bàn”.

Như vậy mục tiêu của giới luật là để bảo vệ con người và giúp con người được hạnh phúc, chính là nguyên tắc của luật tự nhiên: ai cũng có quyền sống và quyền hạnh phúc. Hay nói cách khác đi, giới luật là con đường đưa con người đến hạnh phúc là mục tiêu của luật tự nhiên.

Mục đích của việc giữ giới là giúp mọi người thoát khỏi nghiệp tiêu cực. Vì vậy, mục đích của Pratimoksa là để bảo vệ bản thân như một con người; bảo vệ chúng sinh khỏi phạm phải những điều ác, điều sai trái, để người tu hành sống tốt, có đạo đức và nhận được mọi điều tốt lành. Nguyên nhân của việc bảo vệ này là từ lòng từ bi - Bồ tát giới (French, 2007: 639-734).

Các học giả và triết gia pháp lý thường xem luật dưới góc độ thẩm quyền và các quy tắc, những thuật ngữ này được mô tả khác nhau như những mệnh lệnh, được hỗ trợ bởi sự đe dọa trừng phạt

từ một vị vua/nhà nước mà người dân phải chấp nhận. Trong khi đó, đạo Phật dùng từ bi và làm thước đo để đạt được mục đích của giới luật và các điều luật đưa ra có mục đích để bảo vệ con người tránh phạm vào điều xấu chứ không nhằm trừng phạt như luật thực định mà một nhà nước ban hành.

Và hệ tư tưởng Phật giáo cũng đã tiến xa hơn bất kỳ trường phái triết học pháp lý cổ đại nào ở chỗ nó không chỉ bảo vệ con người mà còn cả thiên nhiên. Do đó, mặc dù những quy tắc này đã được đưa ra cách đây 2.500 năm nhưng chúng vẫn có giá trị để giải quyết các vấn đề của thế giới hiện đại ngày nay. Nói cách khác, ngoài việc bảo vệ con người, Phật giáo bảo vệ cả thiên nhiên.

Sự bảo vệ và lòng từ bi như là cơ sở của hệ thống giới luật. Đối xử với người khác bằng lòng từ bi là điều cần thiết cho sự vận hành của xã hội và là yêu cầu trọng tâm trong Phật giáo. Từ bi trong Phật giáo bao hàm sự tập trung tích cực vào việc làm giảm đau khổ của người khác. Hai giáo lý nói trên xuyên suốt các quy tắc của Phật giáo. Tại cuộc đối thoại với Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tại Trường Luật Buffalo, giáo sư – nhà nghiên cứu luật học của Mỹ Rebecca R. French (2007) đã phát biểu khi nghiên cứu về Phật giáo và pháp luật: “Luật pháp Hoa Kỳ cần phải suy nghĩ lại một cách nghiêm túc”.

Với tư tưởng từ bi và bảo vệ xuyên suốt, Phật giáo hiện đại đã đưa ra cách ứng xử khác biệt so với hệ thống pháp luật hiện hành, ví dụ:

*Lòng từ bi (trắc ẩn) chân chính:* Lòng từ bi đối với nạn nhân của tội ác, người mà có đầy lòng căm thù đối với kẻ

phạm tội là lòng từ bi không đúng chỗ. Có lòng từ bi đối với cả hung thủ và nạn nhân như đối với con người mới là lòng từ bi thực sự.

*Mục tiêu của hình phạt* là giúp người phạm tội cải thiện cuộc sống của họ. Tương tự, không nên đối xử với họ bằng lòng căm thù và sự trả đũa, ngược lại họ cần được cung cấp các công cụ để xây dựng lại cuộc sống và mối quan hệ cộng đồng sau khi phạm tội.

*Giải thích các quy định của pháp luật:* Phật giáo đặc biệt chú trọng đến bối cảnh và điều kiện để áp dụng luật. Mặc dù các quy định pháp luật đã được viết ra và hệ thống hóa trong luật thực định, nhưng chúng vẫn cần được hiểu trong bối cảnh nhất định và được giải thích theo hoàn cảnh đó.

*Tư tưởng về bồi thường thiệt hại cho nạn nhân:* Phật giáo nhấn mạnh đến việc giảm bớt tổn hại cho nạn nhân hơn là nhấn mạnh vào hình phạt, mặc dù lòng từ bi không có nghĩa là tội nhân không bị trừng phạt. Điều cơ bản nhất là thiết lập mọi thứ thật đúng đắn về vật chất và tinh thần để thiệt hại trong cộng đồng có thể được sửa chữa bồi đắp nhanh chóng.

*Ý tưởng của Phật giáo về sự phồn thịnh vật chất:* Phúc lợi vật chất cần được cân bằng giữa vật chất và giá trị bên trong của nó: đó là nghĩ đến hạnh phúc và sự phồn thịnh của người khác. Nếu xã hội hạnh phúc, các cá nhân sẽ hạnh phúc và nhận được lợi ích tối đa. Vì vậy, phát triển lòng từ bi cuối cùng lại là vì lợi ích tốt nhất của bản thân.

*Giáo dục:* Là nền tảng cơ bản của một xã hội tốt đẹp, bước đầu tiên cần thiết là

rèn luyện cho mỗi người một nhân cách đạo đức tốt dựa trên kỷ luật đạo đức. Một hệ thống pháp luật đạo đức phụ thuộc vào các luật sư và các công dân có đạo đức. Những điều cấm của pháp luật tồn tại một cách độc lập, cho dù chúng phản ánh giáo lý Phật giáo một cách hoàn hảo đến đâu, cũng không thể bằng cách áp đặt mà tạo ra một xã hội đạo đức (French, 2007).

Trên đây là một vài ví dụ cho thấy sự giải thích khác biệt trên cơ sở thế giới quan Phật giáo so với khái niệm pháp lý. Với quan điểm này, Phật giáo đã thành công trong việc giải quyết các vấn đề của Tăng đoàn và các vấn đề xã hội trong chừng mực nhất định, nhằm mục đích làm cho mọi người hạnh phúc hơn. Giá trị của các tư tưởng, quan điểm của giới luật của Phật giáo là việc bảo vệ con người, bảo vệ hạnh phúc của con người là mục tiêu cao nhất và tuyệt đối nhất và chính việc tuân thủ các giới luật này là con đường dẫn dắt con người tới hạnh phúc được thực hiện bởi chính sự chuyển hóa của mỗi con người thông qua sự giáo dục đạo đức. Tuy nhiên đây là cả một quá trình chuyển hóa về tư tưởng đạo đức và cần có sự nỗ lực rất lớn của xã hội trong điều kiện tồn tại nhất định và cần có thời gian cho việc giáo dục đào tạo.

### **2.3. Luật tự nhiên, giới luật Phật giáo trong lịch sử xây dựng pháp luật Việt Nam**

#### **2.3.1. Ảnh hưởng của giới luật Phật giáo với luật pháp từ triều đại nhà Lý - đến triều đại nhà Trần**

Ở Việt Nam, có nhiều giai đoạn tư tưởng, triết lý của đạo Phật đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền pháp luật quân chủ. Theo Ngô Sĩ Liên (1984), thế

kỷ thứ X, các triều đại Đinh và Tiền Lê có nhiều chính sách khuyến khích Phật giáo. Thời vua Lê Đại Hành, sư Đỗ Thuận được mời làm cố vấn việc triều chính. Vua còn tham khảo ý kiến của thiền sư Vạn Hạnh trước khi đem quân chống nhà Tống. Đặc biệt thời Lý, Phật giáo trở thành quốc giáo và có những ảnh hưởng nhất định đối với việc hoạch định chính sách nội trị của các đời vua. Các vua triều Lý đều học Phật và thường mời những cao tăng đến để đàm luận về giáo lý và chính sách nội trị. Chính vì vậy, đời sống chính trị của triều Lý mang nhiều màu sắc Phật giáo. Do ảnh hưởng của đạo Phật, luật pháp triều Lý chứa đựng tinh thần nhân ái, khoan dung đối với nhân dân, bảo vệ, chăm lo tới cuộc sống của dân. Chính lòng thương xót của vua Lý đối với dân chúng đã chi phối nội dung luật pháp của nhà nước, ấy là sự dung hợp giữa truyền thống của dân tộc Việt với tư tưởng nhân ái, cứu khổ của đạo Phật. Với người vi phạm, vua Lý thường lấy lòng khoan dung mà tha thứ. Luật triều Lý đặc biệt chú ý tới người già, trẻ nhỏ, coi trọng việc giáo dục. Pháp luật quy định những người trong độ tuổi từ 70 đến 80, trẻ từ 15 đến 10 tuổi nếu phạm tội thì cho phép dùng tiền chuộc tội (Hoàng Xuân Hãn, 2003). Trong xét xử, các vua Lý thường khoan dung, lấy giáo dục làm chính. Tư tưởng nhân ái, từ bi của đạo Phật hòa quyện với truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc Việt Nam đã tạo nên tâm thế trị quốc của vua quan triều Lý. Vua Lý Nhân Tông thường hay mở hội Phật và tha cho những người có tội.

Chính trị thời Trần là chế độ chính trị quân chủ quý tộc – chuyên chế, khẳng định chủ quyền dân tộc. Phật giáo được coi là quốc giáo, các nhà sư góp ý kiến và làm một số công việc giúp vua như thảo văn thư, tiếp sứ thần nước ngoài.

Tăng sĩ đời Trần không trực tiếp đóng góp vào sự nghiệp chính trị nhưng Phật giáo thực sự là yếu tố liên kết nhân tâm quan trọng. Tinh thần Phật giáo khiến các vua Trần áp dụng những chính sách bình dị, thân dân và dân chủ (Sơn Thịnh, 2020).

Với lịch sử hơn 2.000 năm Phật giáo Việt Nam đã chứng minh những đóng góp quan trọng vào công cuộc dựng nước, giữ nước và bảo vệ Tổ quốc của Phật giáo. Qua nhiều triều đại phong kiến, nhiều vua/quan là Phật tử đã vận dụng những tinh hoa trong tư tưởng, triết lý của đạo Phật phục vụ cho công cuộc chấn hưng đất nước. Cùng với tinh thần tự chủ, độc lập, anh dũng của dân tộc, các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã khẳng định tinh thần gắn liền đạo pháp với dân tộc của Phật giáo.

Phật giáo đã ảnh hưởng đến sự hình thành tư tưởng ở Việt Nam trong giai đoạn lịch sử cận đại xây dựng pháp luật xã hội chủ nghĩa. Những giá trị hợp lý của tư tưởng Phật giáo ảnh hưởng trực tiếp tới việc xây dựng một nền pháp luật nâng cao sự công bằng, bình đẳng, thấm đẫm ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo về tính trung thực, tính thiện, tình nghĩa và tình thương với sự hòa nhập của tinh thần từ bi, hỷ xả với tinh thần yêu nước Việt Nam, ảnh hưởng trong tinh thần tự lực, tự chủ của mỗi người.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định yêu cầu đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và tiếp tục mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Trước yêu cầu đổi mới tư duy pháp lý, việc giới thiệu và ứng dụng những thuộc tính phù hợp của luật tự nhiên trong hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa hứa hẹn những triển vọng đóng góp tích cực trong quá trình nhận thức, xây dựng và phát triển một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch theo định hướng phát triển mà Đảng đã đề ra. Nhà nước Việt Nam là nhà nước thể tục (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa), không chịu ảnh hưởng và sự chi phối của bất cứ tôn giáo nào trong hệ thống chính trị và pháp luật của mình. Tuy nhiên công tác xây dựng pháp luật ở Việt Nam cần làm rõ tính kế thừa, tiếp thu những giá trị cốt lõi về văn hóa, đạo đức của dân tộc Việt Nam, trong đó có một phần giá trị tư tưởng của Phật giáo với tư cách là văn hóa, đạo đức truyền thống.

### **2.3.2. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ với giá trị cốt lõi của luật tự nhiên**

Học thuyết luật tự nhiên với giá trị cốt lõi là phản ánh khát vọng của loài người về tự do, nhân phẩm, pháp quyền, dân chủ, công bằng, công lý và các quyền con người. Giá trị này được thể hiện trong các hiến pháp của Việt Nam qua các thời kỳ từ *Hiến pháp năm 1946*, *Hiến Pháp năm 1959*, *Hiến pháp năm 1980*, *Hiến pháp năm 1992* cho đến hiến pháp 2013 hiện nay. Các hiến pháp đều

khẳng định bản chất nhà nước của nhân dân và nguyên tắc quản lý xã hội bằng pháp luật, các tổ chức và thiết chế đều phải hoạt động trên cơ sở pháp luật nhằm “bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh đến quyền được sống của con người, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền của mỗi người được bảo vệ danh dự, nhân phẩm... Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa được những tư tưởng nhân văn của nhân loại, trong đó có tư tưởng pháp quyền Tây Âu về quyền con người (Ngô Thị Mỹ Dung, 2022).

### **3. KẾT LUẬN**

Nhìn lại lịch sử xây dựng pháp luật của Việt Nam, thực tế xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật không chỉ đơn thuần là sản phẩm “độc quyền” của nhà nước mà trước hết là sự kết tinh thiêng liêng những giá trị cao quý trong xã hội, dựa trên nền tảng dân chủ, nhân bản và đạo lý mà không một ai bác bỏ được để trở thành lẽ phải đương nhiên như tự do, bình đẳng, công lý, công minh... Bên cạnh hệ thống quy tắc xử sự do nhà nước ban hành, còn có sự hiện hữu của luật tự nhiên. Ở Việt Nam, luật tự nhiên không xa lạ mà nó đã hóa thân thành những quan niệm giản dị mà sâu sắc của xã hội: bên cạnh pháp lý có đạo lý, có lương tri, cùng với phép vua có lệ làng, sức dân như sức nước (Huỳnh Văn Tới, 2010). □

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Platon (427-347 TCN), tên thật là Aristoclès, là nhà tư tưởng vĩ đại nhất thời cổ đại, khối óc toàn diện nhất trong những triết gia Hy Lạp cổ đại.

<sup>(2)</sup> Aristotle (384-322 TCN) sinh tại Stagira (Hy Lạp), học trò Platon. Aristotle đã đặt nền tảng của luật tự nhiên trong chính bản tính của con người (*natura humana*) và đặt cơ sở đạo đức học cho pháp luật.

<sup>(3)</sup> Cicéron (106-43 TCN) là triết gia và luật gia La Mã cổ đại, được mệnh danh là đại biểu của trí tuệ La Mã, tác giả của “nền cộng hòa” (*De Republica*).

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Hoàng pháp Trung ương. *Phật học cơ bản, 1998-2000*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
2. Cicero, Marcus Tullius (Michael Grant dịch). 1993. *On Government*. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Cicero>, truy cập ngày 25/12/2021.
3. Cicero, Marcus Tullius. “Bàn về chính quyền, 65 trước Công nguyên”. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Cicero>, truy cập ngày 20/12/2021.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Đỗ Đức Minh. 2014. “Tìm hiểu học thuyết pháp luật tự nhiên”. <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207860>, truy cập ngày 1/7/2021.
6. French, Rebecca Redwood and Mark A. Nathan (editor). 2014. *Buddism and Law: An Introduction*. New York: Cambridge University Press.
7. French, Rebecca Redwood. 2007. “Law, Buddhism and Social Change: A Conversation with the 14th Dalai Lama September 20-21, 2006”. *Buffalo Law Review*, 55, pp. 639-734.
8. Hoàng Xuân Hãn. 2003. *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
9. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Tuỳ%3%AAn\\_ng%C3%B4n\\_%C4%91%E1%BB%99c\\_l%E1%A%ADp\\_Hoa\\_K%E1%BB%B3](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tuỳ%3%AAn_ng%C3%B4n_%C4%91%E1%BB%99c_l%E1%A%ADp_Hoa_K%E1%BB%B3).
10. Huỳnh Văn Tới. 2010. “Pháp luật được ‘đặt ra’ hay ‘tìm ra’?”. *Pháp luật TPHCM*, ngày 31/01/2010.
11. Nathan, Mark A. 2018. *A History of Buddhist Propagation in Modern Korea*. Hawaii: University of Hawai'i Press.
12. Ngô Sĩ Liên. 1984. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Ngô Thị Mỹ Dung. 2022. *Tư tưởng triết học pháp quyền Tây Âu và ý nghĩa của nó đối với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 6.
14. Reynolds, Frank E., Jason A. Carbine (editor). 2000. *The Life of Buddhism*. US: University of California Press.
15. Sơn Thanh. 2020. “Dấu ấn Phật giáo trong chính sách nội trị thời Lý - Trần”. <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/6019>, truy cập ngày 15/8/2021.
16. Thích Đức Thắng (dịch), Tuệ Sĩ. *Kinh Tăng Nhất A Hàm*. <https://thienphatgiao.org/kinh-tang-nhat-a-ham-tdt-p4/>, truy cập ngày 20/12/2021.